TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-04-2023
"V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp; Ông Y Đo Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại D1ện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2023 tại phòng xử án. Trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc *"Chia tài sản chung sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Giàng Thị D, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phan Thị T- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Ma Seo D1, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị X- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Ma Văn C, sinh năm 2004 (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

+ Anh Ma Văn D2, sinh năm 2003 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Giàng Thị D trình bày:*

Bà Giàng Thị D và ông Ma Seo D1 là vợ chồng, ông bà có sáu người con chung là Ma Văn D2 sinh ngày 18/02/2003; Ma Văn C sinh ngày 02/4/2004; Ma Thị H sinh ngày 02/4/2006; Ma Văn V sinh ngày 15/4/2008; Ma Thị T sinh ngày 02/6/2011 và Ma Văn Q sinh ngày 28/7/2018. Do cuộc sống hôn nhân không đạt được, nên vợ chồng đã ly hôn theo bản án số 12/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện M. Sau khi ly hôn, bà D là người trực tiếp chăm sóc các con Ma Văn V , Ma Thị T và Ma Văn Quang.

Trong thời kỳ hôn nhân bà D và ông D1 có nhà đất tại thôn 11, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nhà, đất này nằm trong dự án quy hoạch lòng hồ Krông Pắc Thượng. Hộ gia đình bà D, ông D1 thuộc đối tượng bị thu hồi. Số tiền hỗ trợ D1 dời, bồi thường là 586.298.000đồng và D1ện tích đất được cấp làm nhà tái định cư là 11.000m^2.

Ngày 25/8/2022, ông Ma Seo D1 đến Trung tâm quỹ đất huyện M nhận toàn bộ số tiền bồi thường nhưng không cho bà D biết về việc đã nhận số tiền này. Vì vậy, bà D yêu cầu ông D1 phải trả cho bà D ½ số tiền bồi thường và toàn bộ diện tích đất tái định cư.

Trong quá trình giải quyết bà D xin rút lại yêu cầu chia đất tái định cư. Giữ nguyên yêu cầu chia số tiền hỗ trợ bồi thường là 293.149.000 đồng (586.298.000đồng : 2).

** Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Ma Seo D1 trình bày*:

Ông Ma Seo D1 và bà Giàng Thị D đã ly hôn với nhau vào năm 2022. Trong thời kỳ hôn nhân ông D1 và bà D có nhà và đất tại thôn 11, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nhà, đất này nằm trong dự án quy hoạch lòng hồ, nên phải D1 dời. Khoảng tháng 8/2022, ông D1 và bà D được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M chi trả số tiền bồi thường thiệt hại là 586.298.000đồng. Ông D1 có liên hệ để gọi bà D đi nhận tiền nhưng bà D không có ở nhà nên ông D1 đến Trung tâm quỹ đất huyện M nhận số tiền trên. Sau khi nhận tiền về thì ông D1 trích ra khoảng 60.000.000 đồng để trả nợ chung của ông D1 và bà D trong thời kì hôn nhân, sau đó ông D1 có mua 1 chiếc xe máy trị giá 22.000.000 đồng để phục vụ cho việc đi lại và 5.000.000 đồng để mua điện thoại cho ông D1. Số tiền còn lại ông D1 để dành làm nhà khi chuyển sang khu tái định cư mới, để chăm lo cuộc sống cho các con và phòng khi ốm đau bệnh tật. Do đó, ông D1 không đồng ý chia cho bà D.

Ông D1 không có ý kiến gì về việc bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất được Nhà nước cấp tái định cư.

** Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ma Văn C và Ma Văn D2 trình bày:*

Đối với phần tài sản chung của bố mẹ (là ông Ma Seo D1 và bà Giàng Thị D) bao gồm nhà cửa, đất đai, cây trồng trên đất đã được nhà nước hỗ trợ, đền bù ông D2 và ông C không có công sức đóng góp vào khối tài sản này. Vậy nên, ông D2, ông C tôn trọng nguyện vọng của bố mẹ, không tranh chấp hay yêu cầu chia tài sản chung của bố mẹ.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giàng Thị D: Buộc ông Ma Seo D1 phải có trách nhiệm trả cho bà Giàng Thị D ½ số tiền 586.298.000 đồng đã được Trung tâm phát triển quỹ đất chi trả.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại: thôn 11, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ma Văn C có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều khai nhận tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại thôn 11, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Toàn bộ tài sản này thuộc dự án quy hoạch lòng hồ Krông Pắc Thượng của tỉnh Đắk Lắk. Ngày 28/02/2022 Ủy ban nhân huyện M ban hành Quyết định số 290/QĐ-UBND về "Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của 51 hộ dân của thôn 11, xã C, huyện M để xây dựng dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng" trong đó hộ ông D1, bà D thuộc đối tượng thu hồi 100%. Nhà

nước hỗ trợ D1 dời, bồi thường cho gia đình là 586.298.000 đồng và 11.000m^2 đất tái định cư tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 25/8/2022 ông D1 đã nhận từ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M toàn bộ số tiền bồi thường là 586.298.000 đồng. HĐXX xét thấy, đây là tài sản chung của vợ chồng. Ông D1 bà D đã ly hôn, nhưng ông D1 không chia cho bà D một khoản tiền nào trong khối tài sản chung do vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại là không phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở, bị đơn cũng thừa nhận. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bị đơn ông D1 phải thực hiện nghĩa vụ chia cho nguyên đơn bà D ½ số tiền đền bù là 293.149.000 đồng (586.298.000 đồng : 2).

[3] Về các khoản tiền ông D1 kê khai đã chi tiêu bao gồm tiền mua xe mô tô, mua điện thoại, các tài sản này là để phục vụ cho nhu cầu riêng của ông D1, không liên quan đến bà D.

Đối với số tiền 60.000.000đồng ông D1 kê khai đã trả nợ chung, nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông D1 không cung cấp một tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh sau khi ly hôn ông D1 và bà D còn các khoản nợ chung chưa được thanh toán. Do đó, HĐXX không đủ cơ sở để chấp nhận cho yêu cầu này của ông D1.

[4] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngày 14/02/2023, bà Giàng Thị D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung là diện tích đất do Nhà nước cấp tái định cư, tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 11.000m^2.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần nguyên đơn đã rút yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Giàng Thị D và ông Ma Seo D1 là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề xin miễn án phí, nên HĐXX xét miễn toàn bộ án phí về dân sự sơ thẩm cho bà D và ông D1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Ma Seo D1 phải trả cho bà Giàng Thị D 293.149.000 đồng *(Hai trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng)* tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với D1ện tích 11.000m^2 đất đã được cấp tái định cư.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút.

3. Về án phí: Bà Giàng Thị D và ông Ma Seo D1 được miễn toàn bộ án phí về dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã C, huyện M;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đức Hợi